

Số: 416/QĐ-ĐHSPKTND

Nam Định, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên đại học đợt 2 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động và trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu; luân chuyển; từ chức, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-BLĐTBXH ngày 05/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-ĐHSPKTND ngày 08/01/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ biên bản số 55/BB-ĐHSPKTND ngày 28/08/2024 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên đại học năm 2024 – đợt 2;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - văn bằng kỹ sư, hệ chính quy cho 13 sinh viên, cụ thể:

- | | | |
|----|-------------------------|-------|
| 1. | Đại học khóa 11 | 01 SV |
| 2. | Đại học khóa 13 | 10 SV |
| 3. | Đại học sư phạm khóa 11 | 01 SV |
| 4. | Đại học sư phạm khóa 12 | 01 SV |

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - văn bằng cử nhân, hệ chính quy cho 269 sinh viên, cụ thể:

- | | | |
|----|-----------------|--------|
| 1. | Đại học khóa 15 | 117 SV |
|----|-----------------|--------|

2.	Đại học sư phạm khóa 15	60 SV
3.	Đại học khóa 14	23 SV
4.	Liên thông đại học khóa 14	04 SV
5.	Liên thông đại học khóa 15	51 SV
6.	Liên thông đại học khóa 16	14 SV

(Có danh sách kèm theo)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo; Trưởng phòng Công tác sinh viên; Trưởng phòng Kế toán - Tài chính; Trưởng khoa: Công nghệ thông tin, Kinh tế, Điện – Điện tử, Cơ khí và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, ĐT.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 11 CHẠM TIỀN ĐỘ KHÓA HỌC
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416/QĐ-ĐHSPKTND ngày 30 tháng 08 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	16D1100014	Vũ Minh Hiếu	02/05/1998	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 11	2016	Công nghệ thông tin	124	124	2,34		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 01 SV.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 13 CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416./QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 30 tháng 8... năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	18D1140001	Nguyễn Văn Doanh	27/02/1999	Nam	Nam Định	ĐK - HTĐ 13	2018	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,06		Không	Trung bình
2	18D1020001	Phạm Thái An	22/12/1999	Nam	Nam Định	ĐK - KTĐ 13	2018	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,02		Không	Trung bình
3	18D1010002	Nguyễn Đức Cảnh	21/10/2000	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐĐT 13A	2018	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,05		Không	Trung bình
4	18D1010018	Vũ Minh Khởi	23/04/2000	Nam	Nam Định	ĐK - ĐĐT 13A	2018	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,05		Không	Trung bình
5	18D1010043	Nguyễn Tôn Hà	24/12/2000	Nam	TP. Hà Nội	ĐK - ĐĐT 13B	2018	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,17		Không	Trung bình
6	18D1010040	Trần Đức Việt	26/09/2000	Nam	Nam Định	ĐK - ĐĐT 13B	2018	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,05		Không	Trung bình
7	18D1040010	Phạm Minh Hiếu	17/02/1999	Nam	Ninh Bình	ĐK - ĐKTĐ 13A	2018	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,01		Không	Trung bình
8	18D1040022	Nguyễn Ngọc Mạnh	22/03/2000	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTĐ 13A	2018	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,12		Không	Trung bình
9	18D1040045	Đinh Huy Dương	19/10/1997	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTĐ 13B	2018	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,03		Không	Trung bình
10	18D1100019	Nguyễn Đức Hoàng	10/01/1994	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 13A	2018	Công nghệ thông tin	124	124	2,27		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 10 SV. *ok*

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT
NAM ĐỊNH
TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT KHÓA 11 CHẠM TIỀN ĐỘ KHÓA HỌC
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416/QĐ-ĐHSPKTND ngày 20 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	16S1060001	Nông Quang Minh	28/9/1998	Nam	Nam Định	ĐS-CK11	2016	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành Hàn)	143	143	2,73		Không	Khá

Ấn định danh sách 01 SV. *ok*

HIỆU TRƯỞNG

Thư
TS. Đặng Quyết Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT KHÓA 12 CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416/QĐ-ĐHSPKTND ngày 20 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	17S1080010	Phạm Quang Huy	10/06/1999	Nam	Thái Bình	ĐS - ÔTÔ 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	143	2,45		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 01 SV

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC KHÓA 14 CHẠM TIỀN ĐỘ KHÓA HỌC
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng cử nhân
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416../QĐ-ĐHSPKTND ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	20L1010013	Nguyễn Mạnh Hiệp	21/09/1984	Nam	Nam Định	LTĐH - ĐĐT 14A	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,87		Không	Khá
2	20L1010030	Trịnh Quốc Hưng	07/07/1996	Nam	Hà Nam	LTĐH - ĐĐT 14A	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,11		Không	Trung bình
3	20L1010005	Nhữ Ngọc Lâm	05/08/1999	Nam	Thái Bình	LTĐH - ĐĐT 14A	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,72		Không	Khá
4	20L1010011	Nguyễn Duy Thường	20/11/1995	Nam	Hà Nam	LTĐH - ĐĐT 14A	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	3,02		Không	Khá

Ấn định danh sách 04 SV. 

HIỆU TRƯỞNG


TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 14 CHẠM TIẾN ĐỘ KHÓA HỌC

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng cử nhân

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416.../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	19D1150002	Nguyễn Minh Đức	01/08/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CĐT 14	2019	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	124	124	2,77		Không	Khá
2	19D1060001	Trần Văn Chương	10/08/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 14	2019	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,62		Không	Khá
3	19D1050005	Nguyễn Linh Đồng	11/07/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 14	2019	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,47		Không	Trung bình
4	19D1050010	Bùi Trung Kiên	27/11/2001	Nam	Lào Cai	ĐK - CTM 14	2019	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,46		Không	Trung bình
5	19D1080001	Lê Đức Anh	26/05/2001	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 14A	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,32		Không	Trung bình
6	19D1080020	Vũ Đình Lâm	13/01/2001	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 14A	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,61		Không	Khá
7	19D1080041	Trần Việt Anh	07/03/2001	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 14B	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,44		Không	Trung bình
8	19D1080056	Phạm Quang Linh	23/10/2001	Nam	Ninh Bình	ĐK - Ôtô 14B	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,62		Không	Khá
9	19D1080061	Trần Thanh Phong	23/09/2001	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 14B	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,31		Không	Trung bình
10	19D1080066	Nguyễn Việt Thắng	27/01/2001	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 14B	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,30		Không	Trung bình
11	19D1080070	Vũ Đức Trọng	27/11/2001	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 14B	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,78		Không	Khá
12	19D1100005	Hoàng Minh Đức	05/11/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 14	2019	Công nghệ thông tin	127	127	2,50		Không	Khá

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
13	19D1100024	Vũ Phát Tùng	05/05/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 14	2019	Công nghệ thông tin	127	127	2,39		Không	Trung bình
14	19D1010010	Trần Đình Hoan	31/10/2001	Nam	Nam Định	ĐK - ĐĐT 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,06		Không	Trung bình
15	19D1010012	Nguyễn Hữu Huy	11/10/2001	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐĐT 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,04		Không	Trung bình
16	19D1010025	Nguyễn Trần Quang Sang	19/09/2000	Nam	Nam Định	ĐK - ĐĐT 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,16		Không	Trung bình
17	19D1040012	Đỗ Tất Hoàng	12/12/2001	Nam	Thanh Hóa	ĐK - ĐKTĐ 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,43		Không	Trung bình
18	19D1010011	Bùi Quốc Huy	04/05/2001	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTĐ 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,16		Không	Trung bình
19	19D1040017	Dương Văn Lực	22/10/1997	Nam	Ninh Bình	ĐK - ĐKTĐ 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,28		Không	Trung bình
20	19D1040036	Vũ Văn Tuyển	04/04/2001	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTĐ 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,40		Không	Trung bình
21	19D1040032	Nguyễn Anh Tuấn	27/03/2001	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTĐ 14	2019	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,04		Không	Trung bình
22	19D1110004	Trần Mỹ Anh	25/09/2001	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 14	2019	Kế toán	124	124	2,15		Không	Trung bình
23	19D1110013	Bùi Thu Phương	13/12/2001	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 14	2019	Kế toán	124	124	2,00		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 23 SV. *ok*

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC KHÓA 15 CHẠM TIỀN ĐỘ KHÓA HỌC

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng cử nhân

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416.../QĐ-ĐHSPKTND ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	21L1100048	Vũ Ngọc Đức	20/07/1981	Nam	Nam Định	LTĐH - CNTT 15A	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,79		Không	Khá
2	21L1100056	Phạm Xuân Tú	25/05/1983	Nam	Nam Định	LTĐH - CNTT 15A	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,94		Không	Khá
3	21L1100095	Phạm Hữu Thông	24/04/1987	Nam	Nam Định	LTĐH - CNTT 15B	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,91		Không	Khá
4	21L1100086	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/02/1980	Nữ	Nam Định	LTĐH - CNTT 15B	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,78		Không	Khá
5	21L1100082	Sèn Ngọc Kim	16/02/1985	Nam	Hà Giang	LTĐH - CNTT 15B	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,59		Không	Khá
6	21L1100092	Phạm Độ Minh	08/09/1989	Nam	Nam Định	LTĐH - CNTT 15B	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,40		Không	Trung bình
7	21L1100105	Trần Bùi Tuấn	20/08/1986	Nam	Nam Định	LTĐH - CNTT 15B	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,94		Không	Khá
8	21L1100107	Cao Sơn Tuyền	19/09/1997	Nam	Quảng Ninh	LTĐH - CNTT 15B	2021	Công nghệ thông tin	127	127	2,92		Không	Khá
9	21L1140003	Trần Xuân Hải	03/09/1985	Nam	Nam Định	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,88		Không	Khá
10	21L1140004	Đinh Văn Hoàng	29/06/1994	Nam	Nam Định	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,76		Không	Khá
11	21L1140005	Phan Thị Huyền	10/12/1982	Nữ	Nam Định	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,92		Không	Khá
12	21L1140022	Vũ Quang Minh	04/07/1998	Nam	Nam Định	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,22	1,57	Không	Trung bình

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
13	21L1140006	Nguyễn Thị Ngọc	06/10/1985	Nữ	Nam Định	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	3,02		Không	Khá
14	21L1140007	Phạm Thị Hồng Nhung	16/10/1983	Nữ	Thái Bình	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,87		Không	Khá
15	21L1140010	Vũ Đình Quý	01/11/1983	Nam	Nam Định	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,64		Không	Khá
16	21L1140011	Mai Ngọc Xuân Thành	30/08/2003	Nam	Thanh Hoá	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,97		Không	Khá
17	21L1140012	Cao Thanh Trọng	18/02/2003	Nam	Nam Định	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,50	1,57	Không	Khá
18	21L1140014	Trần Thị Vân	08/01/1985	Nữ	Bắc Ninh	LTĐH - HTĐ 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	127	127	2,80		Không	Khá
19	21L1040025	Nguyễn Trung Hiếu	15/10/2003	Nam	Nam Định	LTĐH - ĐKTD 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,30	1,57	Không	Trung bình
20	21L1040015	Vũ Tú Nam	16/03/1993	Nam	Nam Định	LTĐH - ĐKTD 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,56	0,79	Không	Khá
21	21L1040008	Nguyễn Văn Ngọc	28/10/2001	Nam	Nam Định	LTĐH - ĐKTD 15	2021	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,58		Không	Khá
22	21L1110002	Vũ Thị Chính	07/10/1983	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15A	2021	Kế toán	124	124	2,99		Không	Khá
23	21L1110024	Bùi Tiến Lập	24/08/1990	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15A	2021	Kế toán	124	124	2,32		Không	Trung bình
24	21L1110009	Ngô Văn Luyện	28/08/1990	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15A	2021	Kế toán	124	124	2,65		Không	Khá
25	21L1110012	Hoàng Thị Hồng Quyên	17/09/1993	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15A	2021	Kế toán	124	124	3,77		Không	Xuất sắc
26	21L1110020	Lê Thanh Trình	01/02/1978	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15A	2021	Kế toán	124	124	3,05		Không	Khá
27	21L1110021	Trần Viết Tú	27/03/1980	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15A	2021	Kế toán	124	124	2,60		Không	Khá
28	21L1110022	Vũ Thị Tuyết	16/02/1982	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15A	2021	Kế toán	124	124	3,09		Không	Khá
29	21L1110057	Nguyễn Thanh Bình	08/08/1983	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,96		Không	Khá
30	21L1110058	Phan Viết Chung	08/09/1971	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,92		Không	Khá

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
31	21L1110059	Nguyễn Thị Hà	05/02/1984	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	3,11		Không	Khá
32	21L1110060	Nguyễn Thị Thu Hà	19/06/1984	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	3,24		Không	Giỏi
33	21L1110061	Vũ Văn Hoàn	13/11/1981	Nam	Ninh Bình	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,62		Không	Khá
34	21L1110063	Đinh Văn Hùng	08/02/1987	Nam	Ninh Bình	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,52		Không	Khá
35	21L1110067	Bùi Thị Lệ Linh	23/10/1986	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,98		Không	Khá
36	21L1110070	Bùi Thị Trà My	06/03/1988	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,73		Không	Khá
37	21L1110071	Nguyễn Thị Nga	08/06/1984	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	3,03		Không	Khá
38	21L1110073	Nguyễn Thị Thắm	14/11/1983	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,93		Không	Khá
39	21L1110075	Bùi Thị Thương	27/09/1983	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	3,51		Không	Giỏi
40	21L1110076	Phạm Thị Tình	29/10/1986	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,99		Không	Khá
41	21L1110077	Nguyễn Duy Tuyên	01/02/1986	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,69		Không	Khá
42	21L1110078	Nguyễn Thị Xiêm	05/01/1983	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15B	2021	Kế toán	124	124	2,85		Không	Khá
43	21L1110043	Vũ Thị Thanh Bình	26/02/1988	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15C	2021	Kế toán	124	124	2,82		Không	Khá
44	21L1110093	Vũ Thị Nhẫn	02/09/1986	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15C	2021	Kế toán	124	124	2,98		Không	Khá
45	21L1110010	Triệu Quốc Phú	13/01/1991	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15C	2021	Kế toán	124	124	3,06		Không	Khá
46	21L1110098	Lê Thiện Thuật	15/08/1988	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 15C	2021	Kế toán	124	124	2,83		Không	Khá
47	21L1110099	Đỗ Thị Thủy	09/03/1991	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 15C	2021	Kế toán	124	124	3,01		Không	Khá
48	21L1080010	Nguyễn Mạnh Cường	28/02/1978	Nam	Hải Dương	LTĐH - Ôtô 15	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,84		Không	Khá

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
49	21L1080020	Hoàng Văn Dũng	30/04/1987	Nam	Hà Giang	LTĐH - Ôtô 15	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,73		Không	Khá
50	21L1080012	Trần Thái Học	16/06/1983	Nam	Hòa Bình	LTĐH - Ôtô 15	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,50		Không	Khá
51	21L1080015	Nguyễn Phương Nam	12/07/1987	Nam	Hà Giang	LTĐH - Ôtô 15	2021	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	3,00		Không	Khá

Ấn định danh sách 51 SV. *ok*

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Chấn

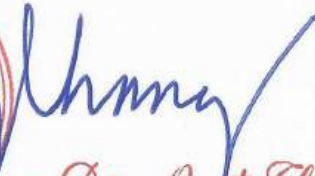
DANH SÁCH SINH VIÊN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC KHÓA 16
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng cử nhân
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416./QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 2.0 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	22LC110005	Nguyễn Việt Hùng	30/06/1978	Nam	Thái Bình	LTĐH - CNTT 16A	2022	Công nghệ thông tin	127	127	3,16		Không	Khá
2	22LC110011	Trần Như Sơn	29/12/1990	Nam	Nam Định	LTĐH - CNTT 16A	2022	Công nghệ thông tin	127	127	2,53	1,57	Không	Khá
3	22LC111002	Nguyễn Thị Hồng Diễm	30/05/1991	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	2,91		Không	Khá
4	22LC111007	Vũ Thị Hạnh	15/11/1972	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	3,12		Không	Khá
5	22LC111008	Đoàn Thị Hằng	12/02/1992	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	2,94		Không	Khá
6	22LC111037	Phạm Thị Hiếu	02/08/1985	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	3,16		Không	Khá
7	22LC111009	Nguyễn Thị Khánh Hoa	17/03/1994	Nữ	Phú Yên	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	2,69		Không	Khá
8	22LC111014	Bùi Đình Hùng	19/11/1991	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	2,5		Không	Khá
9	22LC111039	Trịnh Thị Thu Hương	03/09/1988	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	3,19		Không	Khá
10	22LC111017	Trần Lệ Quyên	01/07/1991	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	2,91		Không	Khá
11	22LC111023	Đặng Xuân Thủy	04/01/1979	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	2,82		Không	Khá
12	22LC111025	Trần Thu Thủy	17/12/1981	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	3,54		Không	Giỏi
13	22LC111030	Bùi Quốc Trung	23/01/1975	Nam	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	2,94		Không	Khá
14	22LC111032	Nguyễn Thị Xoan	20/06/1989	Nữ	Nam Định	LTĐH - KT 16A	2022	Kế toán	124	124	3,22		Không	Giỏi

Ấn định danh sách 14 SV. 

HIỆU TRƯỞNG


TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHÓA 15
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng cử nhân
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	20S1060002	Phạm Thị Bích Liên	11/07/2002	Nữ	Nam Định	ĐS - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	146	146	3,51		Không	Giỏi
2	20S1060003	Phạm Đức Thịnh	07/02/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	146	146	3,01		Không	Khá
3	20S1060004	Trịnh Quang Thọ	07/12/2001	Nam	Nam Định	ĐS - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	146	146	2,92		Không	Khá
4	20S1050001	Trương Văn Du	09/11/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	146	146	2,54		Không	Khá
5	20S1050002	Mai Xuân Duy	23/11/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	146	146	3,08	1,37	Không	Khá
6	20S1050003	Hà Văn Đạt	05/02/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	146	146	3,68		Không	Xuất sắc
7	20S1050004	Đỗ Văn Đức	08/06/2002	Nam	Đắk Lắk	ĐS - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	146	146	3,25		Không	Giỏi
8	20S1050005	Phạm Huy Hoàng	31/07/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	146	146	2,97		Không	Khá
9	20S1050009	Phạm Đức Nghĩa	07/08/2002	Nam	Bình Dương	ĐS - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	146	146	3,08		Không	Khá
10	20S1050012	Nguyễn Minh Trường	19/10/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	146	146	2,69		Không	Khá
11	20S1080001	Nguyễn Tuấn Anh	03/04/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,64	2,05	Không	Khá
12	20S1080002	Trần Trọng Dũng	25/12/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	3,14		Không	Khá

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
13	20S1080004	Tạ Thái Dương	17/05/2002	Nam	Thái Bình	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	3,28		Không	Giỏi
14	20S1080005	Nguyễn Bá Hân	03/03/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,6		Không	Khá
15	20S1080007	Nguyễn Khánh Huyền	22/11/2002	Nữ	Hà Nam	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	3,36		Không	Giỏi
16	20S1080008	Nguyễn Ngọc Hưng	20/09/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,52	2,74	Không	Khá
17	20S1080011	Vũ Đức Minh	10/05/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,7	2,05	Không	Khá
18	20S1080012	Bùi Trọng Nghĩa	23/03/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	3,08	1,37	Không	Khá
19	20S1080015	Nguyễn Văn Thắng	27/10/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	3,45		Không	Giỏi
20	20S1080016	Trần Văn Tiến	30/10/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,49	2,05	Không	Trung bình
21	20S1080017	Hoàng Duy Trinh	13/12/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,74		Không	Khá
22	20S1080018	Trần Văn Trung	25/04/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,57	1,37	Không	Khá
23	20S1080019	Nguyễn Ngọc Tú	22/12/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,86	2,05	Không	Khá
24	20S1080020	Nguyễn Đắc Tùng	29/08/2002	Nam	Hà Nội	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,37	4,11	Không	Trung bình
25	20S1080021	Trần Duy Tùng	26/08/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,67	1,37	Không	Khá
26	20S1080022	Trần Văn Vinh	05/07/2002	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 15	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	146	146	2,45		Không	Trung bình
27	20S1100001	Trần Thị Vân Anh	29/09/2002	Nữ	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	3,14		Không	Khá
28	20S1100002	Trần Tuấn Anh	04/02/2002	Nam	Bình Dương	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	3,51		Không	Giỏi
29	20S1100003	Vũ Thanh Bình	10/06/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	2,71	1,37	Không	Khá
30	20S1100004	Lê Văn Đại	14/12/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	3,33		Không	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
31	20S1100005	Bùi Nam Giang	05/04/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	3,42		Không	Giỏi
32	20S1100006	Nguyễn Thu Hoa	06/06/2002	Nữ	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	3,19		Không	Khá
33	20S1100007	Phạm Quang Huy	27/08/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	2,92		Không	Khá
34	20S1100008	Vũ Quang Huy	31/05/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	2,92		Không	Khá
35	20S1080009	Vũ Thành Hưng	23/04/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	3,04		Không	Khá
36	20S1100010	Ngô Đức Mạnh	16/01/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	2,83	1,37	Không	Khá
37	20S1100013	Đinh Thị Phương	07/06/2002	Nữ	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	3,75		Không	Xuất sắc
38	20S1010013	Vũ Xuân Trinh	22/10/2002	Nam	Nam Định	ĐS - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	146	146	2,87		Không	Khá
39	20S1010002	Ông Văn Danh	24/04/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,92		Không	Khá
40	20S1010003	Lưu Văn Dũng	14/07/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,85		Không	Khá
41	20S1010004	Trần Hữu Dũng	12/02/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,68	1,37	Không	Khá
42	20S1010005	Đinh Phúc Đạt	16/08/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,48	3,42	Không	Trung bình
43	20S1010015	Nguyễn Văn Đông	24/10/2002	Nam	Hà Giang	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,71		Không	Khá
44	20S1010006	Trần Minh Đức	28/09/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,72		Không	Khá
45	20S1010007	Nguyễn Quốc Hiệu	16/05/2001	Nam	Thái Bình	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,99		Không	Khá
46	20S1010009	Nguyễn Quang Huy	27/07/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	3,01		Không	Khá
47	20S1010016	Nguyễn Văn Tùng	15/02/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	146	146	2,45		Không	Trung bình
48	20S1040001	Dương Văn Anh	29/09/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - ĐKTĐ 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	3,57		Không	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
49	20S1040005	Trần Đình Dương	26/07/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,97		Không	Khá
50	20S1040007	Trần Xuân Đồng	08/03/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,77		Không	Khá
51	20S1040008	Trịnh Xuân Đồng	13/02/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	3,07		Không	Khá
52	20S1040009	Trần Đắc Hiền	18/10/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,80		Không	Khá
53	20S1040013	Nguyễn Trung Kiên	22/07/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,77	1,37	Không	Khá
54	20S1040014	Trần Sỹ Mạnh	12/01/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,84		Không	Khá
55	20S1040015	Lê Trọng Nam	07/03/2002	Nam	Hà Nam	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,77		Không	Khá
56	20S1040016	Phạm Duy Ngọc Phú	08/01/2002	Nam	Thái Bình	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	3,05		Không	Khá
57	20S1040017	Lê Văn Quang	27/10/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	3,05		Không	Khá
58	20S1040018	Phùng Văn Tâm	24/08/2002	Nam	Ninh Bình	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,40	1,37	Không	Trung bình
59	20S1040020	Nguyễn Quang Thắng	13/11/2002	Nam	Thái Bình	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	2,81	1,37	Không	Khá
60	20S1040023	Nguyễn Đức Vũ	04/05/2002	Nam	Nam Định	ĐS - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	146	146	3,30		Không	Giỏi

Ấn định danh sách 60 SV. *dh*

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Chăng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 15
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng cử nhân
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 416/QĐ-ĐHSPKTND ngày 30 tháng 08 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	20D1060001	Trần Vũ Hoàng Anh	16/09/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	2,77	2,36	Không	Khá
2	20D1060002	Lê Ngọc Chiến	24/10/2002	Nam	Thanh Hóa	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	3,18		Không	Khá
3	20D1060004	Trần Lý Đạt	02/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	3,36		Không	Giỏi
4	20D1060005	Nguyễn Mạnh Hiệp	28/05/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	2,66		Không	Khá
5	20D1060006	Vilaysack Keomanyvong	16/09/2000	Nam	CHDCND Lào	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	2,98		Không	Khá
6	20D1060007	Lê Trọng Minh	15/03/2002	Nam	Thanh Hóa	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	3,15		Không	Khá
7	20D1060008	Nguyễn Quang Ninh	21/02/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	3,11		Không	Khá
8	20D1060009	Mai Hữu Phi	21/05/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	2,92	2,36	Không	Khá
9	20D1060010	Đặng Xuân Thuần	02/12/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - CK 15	2020	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	127	127	2,88	2,36	Không	Khá
10	20D1050001	Vũ Đăng Tuấn Anh	24/12/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,83	1,57	Không	Khá
11	20D1050003	Nguyễn Tiến Dũng	25/08/2001	Nam	Thanh Hóa	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,53		Không	Khá
12	20D1050004	Lê Trung Dự	20/03/2002	Nam	Thanh Hóa	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,85		Không	Khá
13	20D1050006	Vũ Hải Đăng	25/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,78	2,36	Không	Khá

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
14	20D1050007	Hoàng Thọ Đức	06/04/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,46	3,94	Không	Trung bình
15	20D1050008	Bùi Đình Hiếu	02/03/2002	Nam	Thanh Hóa	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	3,06		Không	Khá
16	20D1050011	Nguyễn Đức Quyền	27/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,97		Không	Khá
17	20D1050013	Hoàng Nguyễn Hồng Sơn	27/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,82	2,36	Không	Khá
18	20D1050012	Nguyễn Trọng Việt	25/10/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - CTM 15	2020	Công nghệ chế tạo máy	127	127	2,8	1,57	Không	Khá
19	20D1080001	Đỗ Việt Anh	16/10/2002	Nam	Yên Bái	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,58		Không	Khá
20	20D1080003	Bùi Đoàn Cảnh	07/02/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	3,02	2,36	Không	Khá
21	20D1080004	Hứa Đức Cảnh	16/08/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,5		Không	Khá
22	20D1080005	Bùi Thanh Cường	21/01/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,91		Không	Khá
23	20D1080008	Trần Mạnh Đạt	22/01/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,9	2,36	Không	Khá
24	20D1080009	Hoàng Thọ Đức	20/06/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,33		Không	Trung bình
25	20D1080010	Ngô Nhất Hải	01/05/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,57		Không	Khá
26	20D1080013	Hoàng Trung Hiếu	04/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,5		Không	Khá
27	20D1080014	Trần Quang Hoàn	25/09/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,59	4,72	Không	Khá
28	20D1080015	Trần Quốc Hoàn	17/12/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,24	4,72	Không	Trung bình
29	20D1080018	Nguyễn Phi Hùng	19/05/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,46	7,87	Không	Trung bình
30	20D1080020	Trần Đình Huy	26/01/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,26	1,57	Không	Trung bình
31	20D1080022	Nguyễn Ngọc Việt Hưng	11/11/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,27	4,72	Không	Trung bình

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
32	20D1080023	Vũ Ngọc Hưng	14/06/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,62		Không	Khá
33	20D1080025	Đào Thành Mạnh	04/12/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,43	1,57	Không	Trung bình
34	20D1080027	Phạm Văn Nam	16/01/2001	Nam	Ninh Bình	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,2	6,30	Không	Trung bình
35	20D1080028	Bùi Đức Pha	11/11/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,24	3,15	Không	Trung bình
36	20D1080031	Phan Minh Quang	28/09/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,22	3,94	Không	Trung bình
37	20D1080033	Nguyễn Hoàng Quân	25/01/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,36	2,36	Không	Trung bình
38	20D1080034	Phạm Minh Quân	04/01/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,8	1,57	Không	Khá
39	20D1080036	Hoàng Huy Quyền	24/06/1999	Nam	Thanh Hóa	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,39		Không	Trung bình
40	20D1080037	Trần Văn Sang	29/09/2002	Nam	Phú Thọ	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,57		Không	Khá
41	20D1080038	Đỗ Văn Thanh	16/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,82		Không	Khá
42	20D1080040	Đinh Văn Tiến	18/07/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 15A	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,53		Không	Khá
43	20D1080041	Nguyễn Nhật Anh	28/09/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,32	3,94	Không	Trung bình
44	20D1080043	Kiều Đức Duy	08/05/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,23	1,57	Không	Trung bình
45	20D1080044	Trần Huy Hải	18/08/2002	Nam	TP Hồ Chí Minh	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,3	3,94	Không	Trung bình
46	20D1080046	Trần Trung Hiếu	08/07/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,38		Không	Trung bình
47	20D1080047	Đỗ Đức Lương	27/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,17		Không	Trung bình
48	20D1080048	Phạm Bùi Trung Thành	12/08/2002	Nam	Ninh Bình	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,57		Không	Khá
49	20D1080049	Ngô Xuân Tiến	06/02/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,24		Không	Trung bình

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
50	20D1080051	Trần Lam Trường	28/01/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,37	2,36	Không	Trung bình
51	20D1100030	Trần Đức Trường	09/03/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,28	2,36	Không	Trung bình
52	20D1080054	Phan Anh Tú	30/09/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,36	2,36	Không	Trung bình
53	20D1080056	Nguyễn Văn Tuấn	23/06/1999	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,57	3,15	Không	Khá
54	20D1080058	Nguyễn Thanh Tuyền	26/07/2002	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 15B	2020	Công nghệ kỹ thuật ô tô	127	127	2,64	2,36	Không	Khá
55	20D1100001	Trần Đại Bình	07/05/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,07	2,36	Không	Khá
56	20D1100002	Khampan Chudinh	15/01/2002	Nam	Thanh Hóa	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,05		Không	Khá
57	20D1100004	Trần Xuân Dưỡng	03/09/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,77		Không	Khá
58	20D1100005	Phan Tiến Đạt	08/04/2002	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,76		Không	Khá
59	20D1100006	Lê Thu Hằng	29/07/2002	Nữ	Thanh Hóa	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,39	5,51	Không	Trung bình
60	20D1100008	Pany Kavanh	07/10/2001	Nữ	CHDCND Lào	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,78		Không	Khá
61	20D1100011	Phoutdavone Latsakhanti	21/02/2001	Nam	CHDCND Lào	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,04		Không	Khá
62	20D1100038	Trần Đức Long	28/11/2000	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,65		Không	Xuất sắc
63	20D1100014	Vũ Thị Bích Nguyệt	30/06/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,35	5,51	Không	Trung bình
64	20D1100015	Đỗ Như Phong	23/06/1998	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,24	1,57	Không	Trung bình
65	20D1100017	Soulideht Pimmachack	05/09/2000	Nam	CHDCND Lào	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,17		Không	Khá
66	20D1100019	Phạm Thế Quyền	30/07/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,57		Không	Khá
67	20D1100020	Trần Xuân Sơn	25/03/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,18	1,57	Không	Trung bình

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
68	20D1100021	Nguyễn Văn Thái	27/12/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,43		Không	Trung bình
69	20D1100022	Đỗ Phương Thảo	25/12/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,28	1,57	Không	Trung bình
70	20D1100023	Trần Nguyễn Thảo	08/09/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,43	1,57	Không	Trung bình
71	20D1100026	Trần Thị Thúy	25/04/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,41		Không	Trung bình
72	20D1100028	Vũ Mạnh Tiến	24/10/2001	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	2,87	1,57	Không	Khá
73	20D1100034	Chanthaphone Vongxay	09/04/2001	Nam	CHDCND Lào	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,24		Không	Giỏi
74	20D1100035	Vilasack Xayabuapheng	24/07/2001	Nam	CHDCND Lào	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,68		Không	Xuất sắc
75	20D1100036	Thavanxay Xayyavong	19/01/1999	Nam	CHDCND Lào	ĐK - CNTT 15	2020	Công nghệ thông tin	127	127	3,01		Không	Khá
76	20D1090001	Thanakone Phimpho	13/06/2001	Nam	CHDCND Lào	ĐK - KHMT 15	2020	Khoa học máy tính	127	127	3,18	1,57	Không	Khá
77	20D1010003	Ngô Trọng Ân	24/10/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,17	1,57	Không	Trung bình
78	20D1010009	Nguyễn Văn Đại	19/09/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,48		Không	Trung bình
79	20D1010022	Khamkiew Nuanmanythong	22/01/1999	Nam	CHDCND Lào	ĐK - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,52	3,15	Không	Khá
80	20D1010027	Trần Quang Sơn	02/11/1998	Nam	Thanh Hóa	ĐK - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,31	1,57	Không	Trung bình
81	20D1010028	Trần Trọng Tâm	09/03/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	2,43	1,57	Không	Trung bình
82	20D1010039	Trần Thị Thu	28/02/2002	Nữ	Thái Bình	ĐK - ĐĐT 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	127	127	3,13		Không	Khá
83	20D1040002	Trần Bá Bắc	20/09/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,63		Không	Khá
84	20D1040003	Nguyễn Lương Bằng	15/04/2002	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,52	3,94	Không	Khá
85	20D1040004	Trần Công Chiêu	15/02/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,21	1,57	Không	Trung bình

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
86	20D1040007	Trần Ngọc Duy	27/11/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	3,57		Không	Giỏi
87	20D1040011	Nguyễn Quang Đạt	09/09/2002	Nam	Hà Nam	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,1	4,72	Không	Trung bình
88	20D1040012	Trương Văn Đức	05/02/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,59	1,57	Không	Khá
89	20D1040014	Vũ Minh Hạnh	14/07/2000	Nam	Ninh Bình	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,53		Không	Khá
90	20D1040021	Đoàn Kim Kiều	29/05/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,28	4,72	Không	Trung bình
91	20D1040028	Nguyễn Đức Phiêu	20/01/2001	Nam	Ninh Bình	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,57	4,72	Không	Khá
92	20D1040032	Lê Bá Thanh	28/04/2002	Nam	Thanh Hóa	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,39	10,24	Không	Trung bình
93	20D1040033	Nguyễn Vạn Thành	10/06/2000	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	3,94		Không	Xuất sắc
94	20D1040034	Nguyễn Xuân Tiến Thành	02/09/2002	Nam	Ninh Bình	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,76	4,72	Không	Khá
95	20D1040036	Nguyễn Hữu Thắng	27/09/1998	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,89	1,57	Không	Khá
96	20D1040043	Bùi Văn Tùng	03/07/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,67	2,36	Không	Khá
97	20D1040044	Trần Đắc Việt	13/01/2002	Nam	Ninh Bình	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,98		Không	Khá
98	20D1040045	Đào Đức Vinh	06/01/2002	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,18	1,57	Không	Trung bình
99	20D1040046	Bùi Tuấn Vũ	19/05/2001	Nam	Thanh Hóa	ĐK - ĐKTD 15	2020	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	127	127	2,47	1,57	Không	Trung bình
100	20D1110001	Nguyễn Thị Phương Anh	19/01/2001	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	2,2	4,03	Không	Trung bình
101	20D1110004	Nguyễn Thu Hiền	04/10/2000	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,42		Không	Giỏi
102	20D1110006	Nguyễn Thanh Huyền	04/10/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,65		Không	Xuất sắc
103	20D1110008	Phạm Hương Lan	19/12/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,35		Không	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
104	20D1110010	Trần Thị Thanh Liễu	28/04/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,08		Không	Khá
105	20D1110011	Trần Thị Huyền Linh	04/12/2002	Nữ	Hà Nam	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	2,56		Không	Khá
106	20D1110012	Trần Thị Xuân Mai	20/11/2002	Nữ	Hà Nam	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	2,78		Không	Khá
107	20D1110014	Bùi Thị Nhung	21/04/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	2,81		Không	Khá
108	20D1110015	Lương Thị Hồng Nhung	18/02/2002	Nữ	Hà Nam	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	2,87	1,61	Không	Khá
109	20D1110016	Nguyễn Thị Nhung	29/07/1999	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,65		Không	Xuất sắc
110	20D1110017	Nguyễn Mai Lâm Oanh	05/09/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	2,6		Không	Khá
111	20D1110018	Nguyễn Phương Thảo	29/06/2002	Nữ	Thái Bình	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,46		Không	Giỏi
112	20D1110019	Nguyễn Thị Kim Thu	11/02/1999	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,15		Không	Khá
113	20D1110020	Nguyễn Thị Anh Thư	26/04/2002	Nữ	Bắc Ninh	ĐK - KT 15	2020	Kế toán	124	124	3,43		Không	Giỏi
114	20D1120001	Nguyễn Thị Ngọc Anh	24/12/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - QTKD 15	2020	Quản trị kinh doanh	124	124	2,73		Không	Khá
115	20D1120003	Đỗ Thị Ngọc Hoa	09/05/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - QTKD 15	2020	Quản trị kinh doanh	124	124	2,98		Không	Khá
116	20D1120007	Trần Phương Nhung	14/01/2002	Nữ	Nam Định	ĐK - QTKD 15	2020	Quản trị kinh doanh	124	124	3,33		Không	Giỏi
117	20D1120011	Phạm Vũ Hoàng Việt	22/09/2002	Nam	Nam Định	ĐK - QTKD 15	2020	Quản trị kinh doanh	124	124	2,61		Không	Khá

Ấn định danh sách 117 SV. *ok*

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Nhung
TS. Đặng Quyết Cường